

Chiến lược vốn

**Trong “Độc Hiểu Báo Cáo Tài Chính
theo góc nhìn Chiến lược”**

Tổng Quan Về Báo Cáo Tài Chính Trong Quản Trị Doanh Nghiệp



**Sổ tay mở rộng
kiến thức**

02

Biên tập bởi:

**SAPP
Education**



Mục lục

03 Tổng quan về chiến lược vốn

04 Bộ tỷ số về khả năng cân đối vốn

Tỷ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu

Tỷ số tổng tài sản trên vốn chủ sở hữu

05 Bộ tỷ số về khả năng chi trả

Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành

Tỷ số khả năng thanh toán nhanh

Tỷ số khả năng thanh toán ngay

07 Bộ tỷ số về khả năng chi trả

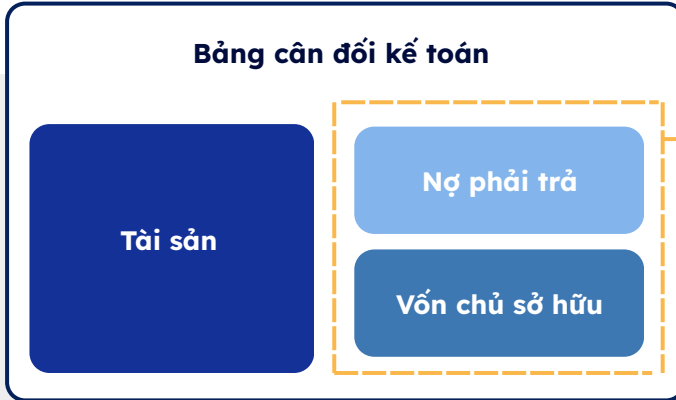
Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay

Tỷ số nợ trên EBITDA

Khái niệm

Chiến lược vốn là cách doanh nghiệp **huy động các nguồn tài trợ** bao gồm vốn chủ sở hữu và nợ vay với chi phí huy động rẻ nhất. Đồng thời đảm bảo **năng lực thanh toán** các khoản nợ đến hạn để tạo dựng niềm tin với các nhà cung cấp vốn và mở rộng các lựa chọn huy động vốn trong tương lai.

Bảng cân đối kế toán



Nguồn vốn doanh nghiệp

Nợ phải trả

Vốn chủ sở hữu

Trên báo cáo tài chính, nguồn vốn là tổng của vốn chủ sở hữu và nợ vay.

Bối cảnh

Sau khi chiến lược tổng thể và kinh doanh được xác lập, doanh nghiệp cần triển khai các sáng kiến và hoạt động mới, từ đó làm **phát sinh nhu cầu về vốn**. Hơn nữa, **quyền lựa chọn nguồn vốn bị chi phối** bởi việc doanh nghiệp có đáp ứng được kỳ vọng của các nhà cung cấp vốn hay không.

Nếu thiếu đi các phân tích cơ cấu vốn tối ưu hay xây dựng một nền tảng thanh toán vững vàng để nâng cao uy tín, doanh nghiệp sẽ khó đạt được hiệu quả như kỳ vọng và có thể rơi vào thế bị động khi huy động vốn.

Khi xây dựng chiến lược vốn, để sử dụng một mức đòn bẩy tài chính phù hợp, nhà quản trị cần cân nhắc 2 tỷ số chính:

Bộ tỷ số về Khả năng cân đối vốn

Tập trung vào **cấu trúc vốn** của doanh nghiệp thông qua đánh giá mức độ sử dụng giữa vốn chủ sở hữu và nợ vay.

Bộ tỷ số về Khả năng chi trả

Tập trung vào **mức độ linh hoạt tài chính** của doanh nghiệp, đánh giá khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Doanh nghiệp có đang duy trì một **cấu trúc vốn cân bằng** giữa **tăng trưởng bền vững** và **an toàn tài chính** không?



Bộ tỷ số khả năng cân đối vốn phản ánh cách doanh nghiệp kiểm soát rủi ro tài chính trong quá trình theo đuổi tăng trưởng sử dụng nợ vay. Cụ thể:

Tỷ số cao cho thấy doanh nghiệp đang vận hành trên một mức độ rủi ro tài chính cao. Tuy nhiên câu hỏi chiến lược không phải là “cao có nguy hiểm không”, mà là “cao nhưng có kiểm soát được không?”

Tỷ số thấp cho thấy doanh nghiệp đang vận hành trên một mức độ rủi ro tài chính thấp. Tuy nhiên thấp không luôn đồng nghĩa với an toàn, vì đôi khi nó chỉ phản ánh sự thụ động trong tiếp cận nguồn vốn hoặc sự yếu kém trong vận hành.

Tỷ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu

So sánh trực tiếp giữa tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu

=

$$\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

- Một tỷ số hợp lý phụ thuộc vào **giai đoạn phát triển, mô hình kinh doanh, và năng lực kiểm soát dòng tiền** của từng doanh nghiệp.

Tỷ số tài sản trên vốn chủ sở hữu

Tỷ số này (còn gọi là đòn bẩy tài chính) cho biết mỗi đồng vốn chủ sở hữu đang khuếch đại hoặc kiểm soát bao nhiêu đồng tài sản.

=

$$\frac{\text{Tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

- Một tỷ số cao cho thấy doanh nghiệp **tài trợ cho hoạt động chủ yếu bằng nợ vay thay vì vốn tự có**. Điều này có thể khuếch đại lợi nhuận khi kinh doanh thuận lợi, nhưng cũng tạo ra áp lực trả lãi và gốc rất lớn, khiến doanh nghiệp dễ bị tổn thương khi thị trường biến động hoặc lãi suất tăng.

Chúng ta có **quản trị được rủi ro thanh toán** để có thể tiếp cận được nguồn vốn như cơ cấu vốn tối ưu đã hoạch định không?



Bộ tỷ số về khả năng thanh toán cho thấy doanh nghiệp có đủ **nguồn lực để trả nợ đến hạn** hay không.

Khi **tỷ số cao**, nhà đầu tư và chủ nợ tin tưởng vào khả năng trả nợ đúng hạn của doanh nghiệp, sẵn sàng cấp vốn với điều kiện tốt hơn, giúp duy trì cơ cấu vốn tối ưu.

Ngược lại, **tỷ số thấp** làm mất niềm tin của nhà đầu tư và chủ nợ, khiến dòng vốn bị siết lại và toàn bộ kế hoạch cấu trúc vốn trở nên bất khả thi.

Bộ tỷ số về Khả năng chi trả có tổng quát như sau:

$$\text{Tỷ số thanh toán} = \frac{\text{Nguồn lực}}{\text{Áp lực tương ứng}}$$

Nhóm 1

Bao gồm các **tỷ số thanh toán** sử dụng các số liệu từ **Bảng cân đối kế toán (tài sản)** để đo lường khả năng đáp ứng nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp.

Tỷ số thanh toán
hiện hành

Tỷ số thanh toán
nhanch

Tỷ số thanh toán
ngay



Vai trò của ba cấp độ trong bộ tỷ số thanh toán

Các tỷ số thanh toán được phân thành **ba cấp độ** để đánh giá khả năng đáp ứng nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp một cách ngày càng khắt khe hơn.

Cấp độ 1 bao gồm toàn bộ tài sản ngắn hạn, cấp độ 2 và 3 dần loại bớt các khoản khó chuyển thành tiền mặt.

Việc phân tích theo ba cấp độ này cho thấy **mức độ sẵn sàng tài chính** của doanh nghiệp trong các kịch bản khác nhau, từ điều kiện kinh doanh thông thường đến các tình huống cấp bách đòi hỏi tiền mặt ngay lập tức.

Tỷ số thanh toán hiện hành

Phản ánh khả năng của doanh nghiệp trong việc sử dụng toàn bộ tài sản ngắn hạn để đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn.

$$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ số thanh toán nhanh

Đánh giá khả năng của doanh nghiệp trong việc đáp ứng nợ ngắn hạn bằng các tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền.

$$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$
$$= \frac{\text{Tiền và tương đương tiền} + \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Sự chênh lệch giữa tỷ số thanh toán hiện hành và tỷ số thanh toán nhanh phản ánh **mức độ tồn đọng của hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản ngắn hạn**. Một sự chênh lệch lớn là tín hiệu cho thấy hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao, đòi hỏi nhà quản trị phải xem xét kỹ lưỡng hiệu quả quản lý hàng tồn kho, bởi đó không phải là tài sản dễ dàng chuyển đổi sang tiền.

Tỷ số thanh toán ngay

Xác định khả năng của doanh nghiệp trong việc thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn ngay lập tức chỉ bằng tiền và các khoản tương đương tiền.

$$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho} - \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$
$$= \frac{\text{Tiền và tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Sự chênh lệch giữa tỷ số thanh toán nhanh và tỷ số thanh toán ngay phản ánh **mức độ phụ thuộc của doanh nghiệp vào các khoản phải thu**. Một khoảng cách lớn là tín hiệu cho thấy các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao, tiềm ẩn rủi ro về tốc độ thu hồi vốn chậm hoặc khả năng phát sinh nợ xấu. Điều này đòi hỏi nhà quản trị phải xem xét lại chính sách tín dụng dành cho khách hàng và hiệu quả của quy trình thu hồi công nợ.

Nhóm 2

Bao gồm các tỷ số sử dụng số liệu từ **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh** để đo lường khả năng đáp ứng nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp.

Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay

Cho biết lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cao gấp bao nhiêu lần chi phí lãi vay phải trả.

$$= \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)}}{\text{Lãi vay}}$$

Một tỷ số cao và ổn định cho thấy doanh nghiệp không chỉ đảm bảo khả năng trả lãi mà còn có **vị thế tốt hơn để đàm phán** các điều khoản vay và tự quyết các kế hoạch đầu tư.



Ngược lại, một tỷ số thấp và có xu hướng giảm cho thấy lợi nhuận chỉ vừa đủ hoặc không đủ trả lãi, khiến doanh nghiệp **mất đi khả năng tự bảo vệ trước các rủi ro** như lãi suất tăng hay kinh doanh sụt giảm

Tỷ số nợ trên EBITDA

Đo lường gánh nặng nợ so với khả năng tạo ra lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

$$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA)}}$$

Một tỷ số cao cho thấy gánh nặng nợ đang tăng nhanh hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Doanh nghiệp có thể đang trả nợ quá chậm hoặc vay thêm nợ mới, khiến họ ngày càng **phụ thuộc vào sự tin tưởng vào khả năng tái cấp vốn từ thị trường hoặc chủ nợ**.



Ngược lại, một tỷ số thấp và có xu hướng giảm cho thấy doanh nghiệp **kiểm soát được nghĩa vụ tài chính** bằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Điều này giảm thiểu sự phụ thuộc vào kỳ vọng thị trường hay điều kiện cho vay.



SAPP EDUCATION

Nỗ lực để nâng tầm chất lượng nhân sự
ngành Tài Chính Việt Nam